

原爆の日と終戦記念日

Ngày ném bom nguyên tử và ngày kỷ niệm kết thúc chiến tranh

日本では8月になると、戦争に関する新聞報道やテレビ番組が急に多くなります。それは、第二次世界大戦末期の 1945 年8月に広島と長崎で原子力爆弾(原爆)が投下されたからです。その直後の8月 15 日、日本は戦争への降伏を発表しました。戦後、日本は連合国軍に占領され、平和主義などを特色とする日本国憲法が 1947 年に施行されました。

Ở Nhật Bản, khi tháng 8 đến, số lượng các bài báo và chương trình truyền hình về chiến tranh đột nhiên tăng lên. Điều này là do bom nguyên tử đã được thả xuống Hiroshima và Nagasaki vào tháng 8 năm 1945, vào cuối Thế chiến II. Ngay sau đó, vào ngày 15 tháng 8, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng chiến tranh. Sau chiến tranh, Nhật Bản bị lực lượng đồng minh chiếm đóng và hiến pháp hòa bình của Nhật Bản có hiệu lực vào năm 1947.

8月6日: 広島原爆の日

Ngày 6 tháng 8: Ngày Hiroshima bị ném bom nguyên tử

1945 年8月6日午前8時 15 分、米軍が広島市に原爆を投下しました。世界で初めて、人間が住む場所に核兵器が落とされた瞬間です。この原爆によって約 14 万人がその年のうちに死亡しました(正確な数は分かっていません)。

Vào lúc 8:15 sáng ngày 6 tháng 8 năm 1945, quân đội Hoa Kỳ đã thả một quả bom nguyên tử xuống Hiroshima. Đây là lần đầu tiên trên thế giới, một vũ khí hạt nhân được thả xuống một nơi có người sinh sống. Khoảng 140.000 người đã chết trong năm đó do quả bom nguyên tử này (con số chính xác không được biết).

また、生き残った人の中にも、原爆の放射線を浴びて後遺症に苦しんだ人たちや後で亡くなった人たちもたくさんおり、広島市の原爆死没者名簿には 31 万人以上の名前が記されています。

Trong số những người sống sót, có rất nhiều người bị phơi nhiễm phóng xạ từ bom nguyên tử và bị di chứng hoặc tử vong sau đó, và danh sách nạn nhân bom nguyên tử của thành phố Hiroshima có tên của hơn 310.000 người.

このような原爆犠牲者を追悼し平和への誓いを新たにするため、毎年8月6日に広島市で平和記念式典が開かれています。また、その日の夜には、原爆で亡くなった人々の魂を鎮めるため、灯ろう流しも行われます。

Để tưởng nhớ những nạn nhân của vụ đánh bom nguyên tử và để tái khẳng định lời cam kết của chúng ta về hòa bình, Lễ cầu nguyện hòa bình ở Hiroshima được tổ chức hàng năm vào ngày 6 tháng 8. Ngoài ra, vào đêm ngày hôm đó, một buổi lễ thả đèn lồng được tổ chức để xoa dịu linh hồn những người đã chết trong vụ đánh bom nguyên tử.

8月9日: 長崎原爆の日

Ngày 9 tháng 8: Ngày Nagasaki bị ném bom nguyên tử

広島原爆の3日後の8月9日午前 11 時2分、米軍は長崎市でも原爆を投下しました。これによって約 74,000 人が死亡したとされています。長崎市の原爆死没者名簿には 18 万人以上の名前が記載されています。長崎市でも毎年8月9日、平和祈念式典が行われます。

Ba ngày sau vụ ném bom nguyên tử Hiroshima, vào lúc 11:02 trưa ngày 9 tháng 8, quân đội Hoa Kỳ cũng thả một quả bom nguyên tử xuống Nagasaki. Người ta cho rằng có khoảng 74.000 người đã chết do vụ đánh bom này. Sổ đăng ký nạn nhân bom nguyên tử của thành phố Nagasaki có tên của hơn 180.000 người. Hàng năm vào ngày 9 tháng 8, thành phố Nagasaki cũng tổ chức lễ cầu nguyện hòa bình.

8月 15 日: 終戦記念日

Ngày 15 tháng 8: Ngày kỷ niệm kết thúc chiến tranh

広島と長崎に原爆が落とされた直後の 1945 年8月 14 日、日本政府は連合国の各国に降伏を伝え、翌 15 日、天皇がラジオ放送で日本の降伏を発表しました。8月 15 日は日本で「終戦記念日」とされています。

Vào ngày 14 tháng 8 năm 1945, ngay sau vụ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, chính phủ Nhật Bản đã thông báo cho các quốc gia Đồng minh về sự đầu hàng của mình, và vào ngày hôm sau, ngày 15, Nhật hoàng đã tuyên bố sự đầu hàng của Nhật Bản trên đài phát thanh. Ngày 15 tháng 8 tại Nhật Bản là "Ngày kỷ niệm kết thúc chiến tranh".

日本では8月前半、戦争に関する特集が新聞やテレビでたくさん報道されます。また、この時期には、「火垂るの墓」など、戦争の悲劇をテーマにしたアニメ映画もテレビで放送されることが多いです。これらの報道や放送には、戦争の過ちを振り返り、悲惨な戦争をくり返さないことを誓う目的があります。

Ở Nhật Bản, trong nửa đầu tháng 8, có nhiều báo cáo đặc biệt về chiến tranh trên báo và trên truyền hình. Ngoài ra, trong thời gian này, các bộ phim hoạt hình mô tả những bi kịch của chiến tranh, chẳng hạn như "Mộ đom đóm", thường được phát trên truyền hình. Mục đích của các báo cáo và chương trình phát sóng này là để phản ánh những sai lầm của chiến tranh và cam kết không lặp lại những bi kịch của chiến tranh.

未来へつなげる大切なヒント

Những gợi ý quan trọng để kết nối tới tương lai

マナーを守って、公共交通機関を安全に

Tuân thủ quy tắc ứng xử – Sử dụng phương tiện giao thông công cộng một cách an toàn

皆さんは、普段の通勤などで電車やバスを使っていますか？電車やバスのようないわゆる公共交通機関は、毎日多くの人利用します。多くの人利用するということですから、利用する人全員が安心して快適に利用できるよう、日本ではマークやポスターなど、あらゆる方法でマナー啓発を行っています。

Các bạn có thường xuyên sử dụng tàu điện hay xe buýt để đi làm hằng ngày không? Tàu điện và xe buýt, những phương tiện giao thông công cộng, là những phương tiện được rất nhiều người sử dụng mỗi ngày. Chính vì có nhiều người sử dụng, nên để mọi người đều có thể an tâm và thoải mái, tại Nhật Bản có rất nhiều biển báo và áp phích tuyên truyền về quy tắc ứng xử được đặt ở khắp nơi để nâng cao nhận thức.

公共交通機関でのマナー

Quy tắc ứng xử khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng

公共交通機関における、基本的なマナーを見ていきましょう。皆さんは、しっかり守れていますか？

Hãy cùng xem lại những quy tắc cơ bản khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Bạn có đang thực hiện đúng không?

乗車時のマナー

Quy tắc khi lên tàu / xe

①降りる人を優先する ①Ưu tiên người xuống trước

電車やバスが到着したら、すぐに乗ろうとするのではなくまずは降りる人を優先します。また、待っているときは降りる人がスムーズに降りられるよう、ドアの中央はあけておきましょう。

Khi tàu hay xe buýt đến nơi, không nên lập tức chen vào, mà hãy ưu tiên để người bên trong xuống trước. Khi chờ lên xe, hãy đứng tránh ra khỏi cửa để người xuống dễ dàng hơn.

②列に並んで待つ ②Xếp hàng chờ

割り込みをせず、列の後ろに並んで待ちましょう。乗るときはドア付近で立ち止まるのではなく、車内の奥まで進みます。

Tuyệt đối không chen ngang. Hãy xếp hàng ở phía sau và chờ đến lượt mình.

Khi lên xe, đừng đứng chặn ngay cửa, mà hãy di chuyển vào sâu bên trong.

③かけこみ乗車はしない

③Không lao vào tàu khi sắp đóng cửa

いくら急いでいるとしても、危ないので絶対にしないでください。かけこみ乗車をしない為にも、時間には余裕を持ちましょう。

Dù có vội đến mấy cũng không được chen vội lên tàu, rất nguy hiểm. Để tránh việc đó, hãy chủ động sắp xếp thời gian và đến ga sớm.

車内でのマナー

Quy tắc khi đang ở trong tàu / xe

①携帯電話での通話をしない ①Không gọi điện thoại

通話は電車やバスを降りてから、が基本です。

Nguyên tắc cơ bản là: chỉ gọi điện sau khi đã xuống tàu hoặc xe buýt.

②会話の音量やイヤホンの音漏れに気を付ける

②Chú ý âm lượng khi nói chuyện hoặc nghe nhạc bằng tai nghe

友だちとの会話や音楽を聴くことはもちろん自由ですが、うるさくなり過ぎないように音量には十分気を付けましょう。

Bạn hoàn toàn có thể trò chuyện với bạn bè hoặc nghe nhạc, nhưng hãy chú ý đến âm lượng để không làm phiền người xung quanh.

③ 飲食は控える ③ Hạn chế ăn uống

電車によっては特別車両など、飲食出来る場合もありますが、そうでない限りは匂いが気になる人もいますので避けましょう。

Trừ một số toa đặc biệt được phép ăn uống, còn lại hãy tránh ăn uống vì mùi thức ăn có thể gây khó chịu cho người khác.

④ 床に座らない ④ Không ngồi dưới sàn

いくら座席が空いていなくても、座りたいからと床に座ることは邪魔になり危険です。見栄えも良くないのでやめましょう。

Dù không còn ghế trống, không nên ngồi xuống sàn vì vừa nguy hiểm vừa gây cản trở.

Ngoài ra, cũng không đẹp mắt nên hãy tránh nhé.

⑤ 席はつめて座る

⑤ Ngồi sát vào để nhường chỗ cho người khác

より多くの人が座れるよう、席は一人に対し一席が基本です。荷物を置いたり足を投げ出したりしないようにしましょう。

Để nhiều người có thể ngồi hơn, nguyên tắc là mỗi người một chỗ. Không để hành lý lên ghế hoặc không duỗi chân chiếm chỗ.

公共交通機関でよく見かけるマーク

Các ký hiệu thường thấy trong tàu điện / xe buýt

次に、公共交通機関内でよく見かけるマークを紹介します。皆さんも一度は目にしたことがあるのではないのでしょうか。

Tiếp theo là phần giới thiệu các ký hiệu thường thấy trong phương tiện giao thông công cộng.

Chắc hẳn bạn cũng đã thấy ít nhất một lần rồi đúng không?

①優先席 ①Ghế ưu tiên

高齢者や妊婦さん、小さな子ども連れの人、身体が不自由な人など身体的に席を必要とする人が優先的に座ることが出来る席のことです。

Đây là ghế dành cho người cần thiết về mặt thể chất, như: Người cao tuổi, Phụ nữ mang thai, Người đi cùng trẻ nhỏ, Người khuyết tật khó khăn trong di chuyển

②マタニティマーク

②Ký hiệu dành cho phụ nữ mang thai

妊婦さんが身に着けているマークです。妊娠初期の段階で外見からは判断しにくい場合もあるので、周囲に妊婦であることを知らせ、席を譲ってもらったり周りの環境に配慮してもらう為に身に着けたり、掲示されている場合もあります。

Đây là biểu tượng mà phụ nữ mang thai đeo trên người.

Vì trong giai đoạn đầu thai kỳ, rất khó để nhận biết từ vẻ bề ngoài, nên họ đeo biểu tượng này để thông báo với những người xung quanh rằng mình đang mang thai, nhằm được nhường ghế hoặc được mọi người xung quanh quan tâm, hỗ trợ. Ngoài việc đeo trên người, biểu tượng này cũng có thể được dán tại một số nơi công cộng.

③ヘルプマーク

③Ký hiệu hỗ trợ người khuyết tật không dễ nhận biết

義足や人工関節を使用していたり、内部障害や難病の人が身に着けているマークです。外見からは判別しにくい場合もありますが、席を譲ってもらいたかったり困っている時に周りから援助を得る為に身に着けます。

Đây là ký hiệu dành cho những người đang sử dụng chân giả, khớp nhân tạo, hoặc có các bệnh lý bên trong cơ thể hay bệnh nan y, những tình trạng khó nhận biết bằng mắt thường. Họ đeo biểu tượng này để mong được nhường ghế hoặc nhận được sự hỗ trợ khi gặp khó khăn từ những người xung quanh.

④国際シンボルマーク(車いすマーク)

④Ký hiệu Biểu tượng quốc tế cho người khuyết tật (Biểu tượng xe lăn)

人が車いすに乗っているような形なので車いす利用者のみと誤解されがちですが、あらゆる障害者や高齢者が利用できる場所を示すマークです。

Vì biểu tượng hiển thị hình người ngồi trên xe lăn, nên thường bị hiểu nhầm là chỉ dành riêng cho người sử dụng xe lăn. Tuy nhiên, biểu tượng này đại diện cho tất cả người khuyết tật cũng như người cao tuổi – nó được sử dụng để chỉ định những khu vực hoặc cơ sở vật chất có thể được họ sử dụng.

まとめ Tổng kết

公共のマナーを守ることは、周囲への「思いやり」を示すことです。皆さんも今回学んだことをきっかけにマナーを守ることはもちろん、席を必要としている人には率先して席を譲ったり、困っている人を進んで助けられる人になってください。

Tuân thủ quy tắc nơi công cộng chính là thể hiện sự “quan tâm” đối với người xung quanh. Hy vọng rằng qua bài viết này, bạn không chỉ nâng cao ý thức giữ gìn quy tắc ứng xử mà còn chủ động nhường ghế cho những người thực sự cần, và sẵn sàng giúp đỡ những ai đang gặp khó khăn.

何よりも 安全最優先

Hơn bất cứ điều gì AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

災害は突然やってくる！

Thảm họa xảy ra bất ngờ!

～あなたと仲間を守る備えとは？～

～ Làm thế nào bạn có thể bảo vệ bản thân và bạn bè của mình? ～

実習生の皆さんにとって、日本は安全な国に感じられるかもしれませんが。しかし、地震や火災、台風など、思いがけない災害が突然起こることもあります。そんなとき、誰かの助けを待つだけでなく、「自分で自分を守る力」を身につけているかが重要になります。

Đối với tất cả các thực tập sinh, Nhật Bản có vẻ là một đất nước an toàn. Tuy nhiên, những thảm họa bất ngờ như động đất, hỏa hoạn và bão có thể xảy ra đột ngột. Trong những trường hợp như vậy, điều quan trọng là không chờ đợi ai đó giúp đỡ bạn, mà phải có khả năng tự bảo vệ mình.

今月は、災害のための備えや、災害時の行動を、チェックリスト形式で確認しましょう。

Tháng này, chúng ta hãy cùng xem lại các hoạt động chuẩn bị ứng phó thảm họa và các hành động cần thực hiện khi xảy ra thảm họa theo định dạng danh sách kiểm tra.

日ごろの備え(今すぐできること)

Chuẩn bị trước (những việc bạn có thể làm ngay bây giờ)

☐ 緊急連絡先(会社・指導員・組合・119・110)を携帯電話に登録している

☐ Số liên lạc khẩn cấp (công ty, người hướng dẫn, nghiệp đoàn, 119, 110) được đăng ký trên điện thoại của bạn.

☐ 寮や工場の「非常口」や「避難場所」を確認している

☐ Kiểm tra lối thoát hiểm và nơi lánh nạn tại ký túc xá và nhà máy.

☐ 停電や断水時に備えて、飲料水や懐中電灯、充電済みのモバイルバッテリーを常備している

☐ Để chuẩn bị cho tình trạng mất điện và mất nước, nên luôn mang theo nước uống, đèn pin và điện thoại đã sạc đầy pin.

☐ 災害時の対応を会社の人や実習生仲間と事前に話し合っている

☐ Hãy thảo luận trước về các biện pháp ứng phó thảm họa với nhân viên công ty và các thực tập sinh khác.

☐ 非常時にすぐ持ち出せる「非常用袋」を準備している

☐ Chuẩn bị sẵn một “túi khẩn cấp” có thể lấy ra ngay trong trường hợp khẩn cấp.

地震や火災が起きたとき、どうする？ Phải làm gì nếu xảy ra động đất hoặc hỏa hoạn?

☐ 揺れを感じたら机の下など安全な場所に身を隠す

☐ Nếu bạn cảm thấy có rung lắc, hãy ẩn náu ở nơi an toàn, chẳng hạn như dưới gầm bàn.

☐ 頭を手やカバンで守る

☐ Bảo vệ đầu bằng tay hoặc túi

☐ 揺れが収まるまでむやみに動かない

☐ Không di chuyển không cần thiết cho đến khi rung lắc dừng lại.

☐ 火を使っていたら、すぐに消す

☐ Nếu sử dụng lửa, hãy dập tắt ngay lập tức.

☐ エレベーターは使わず、階段で避難する

☐ Không sử dụng thang máy, hãy di tản bằng cầu thang bộ

☐ 火災時は、煙を吸わないように布やタオルで口と鼻を覆う

☐ Trong trường hợp hỏa hoạn, hãy che miệng và mũi bằng vải hoặc khăn để tránh hít phải khói.

大型台風が来たとき、どうする？ Cần làm gì khi có cơn bão lớn đổ bộ?

☐ 台風が来たときは、絶対に海や川に近づかない

→ 増水や強風で流される危険がある

☐ Khi có bão, tuyệt đối không được đến gần biển hoặc sông.

→ Có nguy cơ bị cuốn trôi do mực nước dâng cao hoặc gió mạnh.

☐ 窓を閉め、ベランダや家の外にある物を固定する

→ 飛ばされた物で窓ガラスが割れることがある

☐ Đóng cửa sổ và cố định các vật dụng trên ban công và bên ngoài nhà.

→ Kính cửa sổ có thể bị vỡ do các vật thể bay.

☐ 最新の天気予報や避難情報を確認する

→ スマホやテレビで、災害情報を早めにチェックする

☐ Kiểm tra dự báo thời tiết và thông tin sơ tán mới nhất.

→ Kiểm tra thông tin thiên tai trên điện thoại thông minh hoặc Tivi càng sớm càng tốt.

最後に伝えたいこと Điều cuối cùng tôi muốn nói

災害はいつ、どこで起きるかわかりません。しかし、「自分だったらどう行動するか？」や、「どこに避難すれば良いか？」などを日ごろから確認しておけば、いざというときに慌てずに済みます。

Chúng ta không biết khi nào hoặc ở đâu thảm họa sẽ xảy ra. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên kiểm tra những điều như “Tôi sẽ làm gì nếu tôi ở trong tình huống

đó?” và “Tôi nên sơ tán ở đâu?”, bạn sẽ có thể tránh được sự hoảng loạn khi trường hợp khẩn cấp xảy ra.

今日、このチェックリストを使って、災害の備えができているか確認してください。

Sử dụng danh sách kiểm tra này ngay hôm nay để đảm bảo bạn đã chuẩn bị ứng phó với thảm họa.

実習生の皆さんへ Gửi đến tất cả các thực tập sinh

あなたと仲間の将来を守るために、今、災害に備えてください。

Để bảo vệ tương lai của bạn và bạn bè, hãy chuẩn bị ứng phó với thảm họa ngay từ bây giờ.

日本語学習攻略法

Phương pháp học tiếng Nhật

漢字って難しいと思いますか？でも、最初に覚える漢字は意外とシンプルで、日常でよく使われるものがたくさんあります。これらを覚えれば、漢字の壁をちよつとずつ越えられるかもしれませんよ。

さあ、楽しく漢字の世界を冒険してみましょう！

Bạn có nghĩ Hán tự khó không? Thực ra, những Hán tự đầu tiên bạn học lại khá đơn giản và có rất nhiều chữ được sử dụng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày. Nếu bạn ghi nhớ những chữ này, có thể bạn sẽ từ từ vượt qua được rào cản Hán tự đấy. Nào, hãy cùng khám phá thế giới Hán tự một cách thật vui vẻ nhé!

今月のテーマ

Đề tài tháng này

漢字の壁を越える！最初に覚えるべき漢字とその意味

Vượt qua rào cản Hán tự!

Những Hán tự nên nhớ đầu tiên và ý nghĩa của chúng

はじめに覚えやすい漢字とは？

Hán tự dễ nhớ khi mới bắt đầu là gì?

漢字はたくさんあって、どれから覚えたらいいか迷いますよね。でも心配いりません。最初は身近な漢字から覚えるのがコツです。たとえば、「日」や「木」などの漢字です。これらは、実際のものの形をそのまま表しているので、覚えやすいですね。

Có rất nhiều Hán tự khiến bạn băn khoăn không biết nên học chữ nào trước phải không? Nhưng đừng lo lắng! Bí quyết là hãy bắt đầu với những Hán tự quen thuộc xung quanh mình. Ví dụ như các chữ “日” (hi) hay “木” (mộc). Những chữ này biểu thị hình dạng của vật thể trong thực tế, nên rất dễ nhớ.

「日」は太陽の形をしていて、「日」そのものを意味します。「木」も木の形をしていて、もちろん「木」のことを指します。これらの漢字はまるで絵のようですね。

Chữ “日” (hi) có hình dạng giống mặt trời và mang ý nghĩa “ngày” hay “mặt trời”. Chữ “木” (mộc) cũng có hình dáng giống cái cây, và tất nhiên nó chỉ “cái cây”. Những Hán tự này trông giống như những bức tranh vậy đó!

次に覚えたい漢字は「山」や「川」です。これも自然のものを表しています。「山」は山の形をしていて、3つの山が並んでいる様子を表現しています。「川」も水の流れを表していて、左から右に流れる様子が描かれています。

Những Hán tự tiếp theo mà bạn nên học là “山” (núi) và “川” (sông). Những chữ này cũng biểu thị các vật thể trong tự nhiên. Chữ “山” (núi) có hình dáng giống ngọn núi, thể hiện hình ảnh ba ngọn núi xếp liền kề nhau. Chữ “川” (sông) cũng thể hiện dòng chảy của nước, được vẽ theo hình ảnh dòng nước chảy từ trái sang phải.

最初は簡単な漢字から始めて、少しずつ覚えていくと、だんだん漢字が楽しくなります。日常で使う漢字を覚えることで、日本語の理解が深まりますよ！漢字を学ぶのは、まるで絵を描くような感覚です。どんどん覚えて、自信を持って日本語を話せるようになりましょう！

Bắt đầu từ những Hán tự đơn giản, rồi dần dần ghi nhớ chúng, bạn sẽ thấy việc học Hán tự trở nên thú vị hơn rất nhiều. Khi ghi nhớ được các Hán tự được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày, sự hiểu biết tiếng Nhật của bạn sẽ sâu sắc hơn đấy! Học Hán tự giống như vẽ tranh vậy. Hãy cố gắng ghi nhớ thật nhiều để có thể tự tin nói tiếng Nhật nhé!

先輩が教える Học từ người đi trước

日本語能力試験合格のヒケツ!

Bí quyết để đậu kì thi JLPT !

ロフィクさん N3合格 !

はじめまして、インドネシア人のROFIKと申します。24 歳です。現在、兵庫県で電子機器の組立作業の実習をしています。2022 年5月に来日し、2024 年 12 月にN3に合格しました。

Chào mọi người, mình là ROFIK, một người Indonesia 24 tuổi. Hiện tại, mình đang là thực tập sinh lắp ráp thiết bị điện tử ở tỉnh Hyogo. Mình đến Nhật Bản vào tháng 5 năm 2022 và đã đỗ N3 vào tháng 12 năm 2024.

勉強には「総まとめN3(漢字・文法)」と「N3語彙スピードマスター」を使いました。文法は仕事後に復習し、朝は職場で日本人と会話して練習しました。漢字はノートに書いて、料理レシピの記事を読んで勉強しました。聴解は日本人の会話をよく聞いて練習しました。N3に合格して嬉しかったですが、今年7月にN2を受けました。JLPTの証明書は自信に繋がり、将来はN1合格を目指します。

Để học tiếng Nhật, mình đã sử dụng sách “Tổng hợp N3 (Kanji, Ngữ pháp)” và “N3 Từ vựng Speedmaster”. Về ngữ pháp, mình ôn lại sau giờ làm, còn buổi sáng mình luyện nói chuyện với người Nhật ở nơi làm việc. Với Kanji, mình viết vào sổ và học bằng cách đọc các bài viết về công thức nấu ăn. Về Nghe, mình luyện tập bằng cách nghe kỹ các cuộc trò chuyện của người Nhật. Mình rất vui khi đỗ N3, và vào tháng 7 năm nay, mình đã thi N2. Chứng chỉ JLPT mang lại cho mình sự tự tin, và mình đặt mục tiêu đỗ N1 trong tương lai.

日本の生活は便利で、インフラが発達しています。医療も保険のおかげで安心です。工場での仕事は同じ作業が多いですが日本人との会話で楽しく仕事をしています。休み明けは話題が豊富です。日本では時間の使い方や自立の大切さを学び、お弁当を作る習慣も身につけました。帰国後も続けたいと思います。

Cuộc sống ở Nhật Bản rất tiện lợi và có cơ sở hạ tầng phát triển. Về y tế, mình cũng cảm thấy an tâm nhờ có bảo hiểm. Công việc ở nhà máy chủ yếu là các thao tác lắp lại, nhưng mình vẫn làm việc vui vẻ nhờ được trò chuyện với người Nhật. Sau những ngày nghỉ, chúng mình có rất nhiều chuyện để nói. Ở Nhật Bản, mình đã

học được cách sử dụng thời gian và tầm quan trọng của sự tự lập, mình cũng đã hình thành thói quen tự làm bento (cơm hộp). Mình muốn duy trì thói quen này ngay cả sau khi về nước.

日本に来てから、成長を感じています。今まで以上に自立し、規律を守るようになりました。例えば、ゴミを分別して捨てることや、必ず指定された場所にゴミを捨てることです。ルールを守ることで安心感があり、規則を守ることに重要性を感じるようになりました。

Từ khi đến Nhật Bản, mình cảm thấy mình đã trưởng thành hơn rất nhiều. Mình trở nên tự lập hơn và tuân thủ kỷ luật hơn. Ví dụ, mình biết phân loại rác và luôn vứt rác đúng nơi quy định. Việc tuân thủ các quy tắc mang lại cho mình cảm giác an toàn và mình nhận ra tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy tắc.

将来、インドネシアで鶏の農場を始めたいので貯金を頑張っています。そのため、将来的にビジネスが成長し、従業員を雇うことになったとき、今学んでいることが周りの人々を教育するために役立つと考えています。規律は生活にもビジネスの成長にも非常に大切だからです。

Trong tương lai, mình muốn mở một trang trại gà ở Indonesia, vì vậy mình đang cố gắng tiết kiệm tiền. Mình tin rằng những gì mình đang học bây giờ sẽ giúp mình đào tạo những người xung quanh khi công việc kinh doanh phát triển và mình có thể thuê nhân viên. Bởi vì kỷ luật rất quan trọng đối với cả cuộc sống và sự phát triển kinh doanh.

来日当初は言葉も仕事も不慣れでとても大変でした。日本語を話すのが恥ずかしく、間違いを恐れてなかなか上達しませんでした。勉強を続け、日本人と話す勇気を持つことで少しずつ自信ができました。今では一人で病院に行くこともでき、日本での生活を前向きに楽しめるようになりました。

Thời gian đầu mới đến Nhật Bản, mình gặp rất nhiều khó khăn vì chưa quen ngôn ngữ và công việc. Mình đã ngại nói tiếng Nhật và sợ mắc lỗi nên mãi không tiến bộ được. Nhưng khi tiếp tục học và dũng cảm nói chuyện với người Nhật, mình dần dần tự tin hơn. Bây giờ, mình có thể tự mình đến bệnh viện và đang tận hưởng cuộc sống ở Nhật Bản một cách tích cực.

日本で頑張っている実習生の皆さん、日本語がまだ不十分でも話すことを恐れず、挑戦することが大切です。そして、貯金をしっかりすることも大切です。日本で働く期間は限られているので、将来のために準備しておきましょう。

Gửi đến tất cả các bạn thực tập sinh đang cố gắng tại Nhật Bản: Đừng ngại nói tiếng Nhật ngay cả khi bạn chưa giỏi, điều quan trọng là phải dám thử thách. Và điều quan

trọng nữa là phải tiết kiệm tiền thật tốt. Thời gian làm việc tại Nhật Bản có hạn, vì vậy hãy chuẩn bị cho tương lai của bạn nhé.